

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
vay vốn tại ngân hàng thương mại**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 1997 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 5 năm 2004;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại các ngân hàng thương mại”.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2011 và thay thế các Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009, số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành

quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn tại Ngân hàng thương mại. Đối với các khoản bảo lãnh đã được phát hành chứng thư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các cam kết trong chứng thư đã ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
BẢO LÃNH CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
VAY VỐN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) vay vốn tại ngân hàng thương mại.

2. Đối tượng điều chỉnh

- a) Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- b) Các ngân hàng thương mại;
- c) Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật;
- d) Tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng thương mại.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bảo lãnh vay vốn là cam kết bằng văn bản của Ngân hàng Phát triển Việt Nam với ngân hàng thương mại về việc sẽ trả nợ thay cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không trả hoặc trả không đầy đủ, đúng hạn nợ vay (gốc và lãi) đối với ngân hàng thương mại.

2. Bên bảo lãnh là Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Ngân hàng Phát triển Việt Nam được ủy quyền cho các sở giao dịch, chi nhánh thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng thương mại theo quy chế này.

3. Bên được bảo lãnh là các doanh nghiệp quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

4. Bên nhận bảo lãnh là ngân hàng thương mại quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

5. Hợp đồng bảo lãnh là thỏa thuận bằng văn bản giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam và doanh nghiệp về việc Ngân hàng Phát triển Việt Nam sẽ trả nợ thay cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp không trả hoặc trả không đầy đủ, đúng hạn nợ vay đã cam kết với ngân hàng thương mại.

6. Chứng thư bảo lãnh: là cam kết đơn phương bằng văn bản của Ngân hàng Phát triển Việt Nam với ngân hàng thương mại về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp không trả hoặc trả không đầy đủ, đúng hạn nợ vay đã cam kết với ngân hàng thương mại.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Đối tượng được bảo lãnh vay vốn

1. Đối tượng được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh vay vốn là doanh nghiệp nhỏ và vừa (trừ doanh nghiệp siêu nhỏ) theo quy định của Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn trung hạn, dài hạn bằng đồng Việt Nam để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh thuộc ngành, lĩnh vực quy định tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, gồm:

- a) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- b) Công nghiệp chế biến, chế tạo;
- c) Sản xuất khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí;
- d) Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải;
- đ) Xây dựng;
- e) Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- g) Vận tải, kho bãi.

Điều 4. Ngân hàng thương mại nhận bảo lãnh vay vốn

Ngân hàng thương mại nhận bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn là ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam bao gồm: ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

Điều 5. Điều kiện để doanh nghiệp được bảo lãnh vay vốn

1. Thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Có dự án đầu tư có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay. Dự án đầu tư được Ngân hàng Phát triển Việt Nam thẩm định và quyết định bảo lãnh theo quy định tại Quy chế này.
3. Có tối thiểu 15% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư.
4. Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng.

Điều 6. Phạm vi bảo lãnh vay vốn

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam có thể bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ khoản vay của doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại (tối đa 85% tổng mức vốn đầu tư dự án) trên cơ sở kết quả thẩm định dự án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và khả năng tài chính của các bên.
2. Bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khoản vay của doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại.

Điều 7. Thời hạn hiệu lực của bảo lãnh vay vốn

1. Thời hạn bảo lãnh vay vốn được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn của doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại theo hợp đồng tín dụng và thời gian thực hiện các thủ tục để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
2. Thời hạn hiệu lực của chứng thư bảo lãnh là khoảng thời gian được xác định từ khi phát hành chứng thư bảo lãnh cho đến thời điểm chấm dứt bảo lãnh được ghi trong chứng thư bảo lãnh hoặc đến thời điểm nghĩa vụ bảo lãnh chấm dứt theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.
3. Thời hạn hiệu lực của chứng thư bảo lãnh vay vốn có thể được gia hạn do các bên thỏa thuận trên cơ sở việc gia hạn nợ của ngân hàng thương mại với doanh nghiệp.

Điều 8. Giới hạn bảo lãnh vay vốn

1. Mức bảo lãnh vay vốn cho một doanh nghiệp tối đa không vượt quá 5% vốn điều lệ thực có của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
2. Tổng mức bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam cho các doanh nghiệp tối đa không vượt quá 5 lần so với vốn điều lệ thực có của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Điều 9. Phí bảo lãnh vay vốn

1. Phí bảo lãnh vay vốn bao gồm: